

Số: 2532 /GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG
TRƯỞNG BAN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở tại các khu chức năng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Ninh (Phú Mỹ 3 Đà Nẵng IP)" tại Công văn số 257/2026/VB-TBPM ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ, địa chỉ trụ sở chính tại Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Tân Phước, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Ninh (Phú Mỹ 3 Đà Nẵng IP)” địa chỉ tại xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Ninh (Phú Mỹ 3 Đà Nẵng IP).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0305012909 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 08 tháng 7 năm 2024;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 0757685668 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 0305012909

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp; các ngành nghề được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm:

TT	Tên ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
01	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
02	Sản xuất đồ uống	C11
03	Dệt ((bao gồm công đoạn nhuộm là một phần của quy trình sản xuất nhằm hoàn thiện sản phẩm và tạo giá trị gia tăng cao cho sản phẩm)	C13
04	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	C14
05	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	C15
06	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C16
07	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C17
08	Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	C19
09	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	C20
10	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21

11	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
12	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
13	Sản xuất kim loại	C24
14	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (bao gồm công đoạn xi mạ là một phần của quy trình sản xuất nhằm hoàn thiện sản phẩm và tạo giá trị gia tăng cao cho sản phẩm)	C25
15	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
16	Sản xuất thiết bị điện	C27
17	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
18	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
19	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
20	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
21	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
22	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
23	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	D35
24	Tái chế phế liệu	E3830
25	Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống (cụ thể: Vận tải đường bộ khác; Vận tải đường ống)	H49
26	Vận tải đường thủy	H50
27	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (cụ thể: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải; Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải)	H52
28	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các dịch vụ thông tin liên quan khác	K63
29	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật	N721
30	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	N74

(Ghi chú: Ngành nghề thu hút đầu tư vào khu công nghiệp phù hợp định hướng tập trung phát triển các ngành công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 81/2023/QH15, phương hướng phát triển các khu công nghiệp theo quy định tại điểm a mục 3 phần V Điều 1 Quyết định số 376/QĐ-TTg và phương án phát triển các ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm b mục 1 Phần III Điều 1 Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND thành phố về Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-20230, tầm nhìn đến 2050).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích 400,02ha.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Phạm vi cấp giấy phép môi trường không bao gồm các hạng mục công trình, công trình xây dựng và hoạt động bảo vệ môi trường của khu vực lưu trú cho công nhân có diện tích 4,8ha (nằm ngoài ranh giới của khu công nghiệp).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 22 tháng 7 năm 2033.)

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Ninh (Phú Mỹ 3 Đà Nẵng IP)” được cấp phép theo quy định của pháp luật. 

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố;
- UBND xã Bà Nà;
- Công ty CP Thanh Bình Phú Mỹ;
- Lãnh đạo DSEZA;
- Cổng thông tin điện tử DSEZA;
- Lưu: VT, XD&MT. 

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**




Thái Ngọc Trung



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2532 /GPMT-BQL ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp Hòa Ninh.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, khu văn phòng, trạm bơm, trạm biến áp.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động thí nghiệm tại trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn và khu vực lưu chứa bùn tại trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà lưu trú cho công nhân (4,8ha).
- Nguồn số 06: Nước thải từ các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp đầu nối nước thải vào hồ hoàn thiện của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Cô Sơn thuộc xã Bà Nà, sau đó hợp lưu với sông Túy Loan, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo VN 2000 kinh tuyến $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°):
 $X = 177\,4940,76$ $Y = 532186$.

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $12.000\text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được chảy qua mương quan trắc của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp, sau đó tự chảy ra suối Cô Sơn, xả mặt, xả ven bờ.

- Hình thức xả: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	≤ 40	3 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6-9		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 30		
4	COD	mg/L	≤ 60		
5	Amonia (tính theo N)	mg/L	$\leq 5,0$		
6	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/L	≤ 30	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
7	Tổng N	mg/L	≤ 20		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	$\leq 4,0$		
9	Asen	mg/L	$\leq 0,05$		
10	Màu	Pt/Co	≤ 50		
11	Thủy ngân	mg/L	$\leq 0,001$		
12	Chì	mg/L	$\leq 0,1$		
13	Cadimi	mg/L	$\leq 0,02$		
14	Crom (VI)	mg/L	$\leq 0,1$		
15	Bari (Ba)	mg/L	$\leq 1,0$		
16	Tổng Crom (Cr)	mg/L	$\leq 0,5$		
17	Đồng	mg/L	$\leq 1,0$		
18	Kẽm	mg/L	$\leq 1,0$		
19	Niken	mg/L	$\leq 0,1$		
20	Mangan	mg/L	$\leq 2,0$		
21	Sắt	mg/L	$\leq 2,0$		
22	Tổng Xianua	mg/L	$\leq 0,2$		
23	Tổng phenol	mg/L	$\leq 1,0$		
24	Phenol	mg/L	$\leq 0,1$		
25	Dầu mỡ khoáng	mg/L	$\leq 1,0$		
26	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	$\leq 5,0$		
27	Sunfua	mg/L	$\leq 0,2$		
28	Florua	mg/L	$\leq 3,0$		

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
29	Clo dư	mg/L	$\leq 1,0$		
30	Clorua	mg/L	≤ 500		
31	Coliform	MPN/100 ml	≤ 3.000		
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/L	$\leq 0,05$		
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/L	$\leq 0,3$	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng
34	Tổng PCB	mg/L	$\leq 0,003$		
35	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	$\leq 0,3$		
36	Dioxin/Furan	Pg TEQ/l	≤ 10		
37	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/L	$\leq 7,5$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nguồn số 01 được thu gom qua mạng lưới thoát nước thải của từng khu vực, được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi của Khu công nghiệp trước khi được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 02: Đối với nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ bể tách dầu mỡ, được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 03 theo đường ống về hố gom và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 04 theo đường ống về hố gom và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 05 được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi của Khu công nghiệp trước khi được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 06 được thu gom qua mạng lưới thoát nước thải của

từng khu vực, chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) và dẫn về hồ hoàn thiện của trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xả ra nguồn tiếp nhận môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Bể tự hoại tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, khu văn phòng, trạm bơm và trạm biến áp.

- Vị trí: Mỗi khu vực 1 bể tự hoại 10m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

* Bể tách dầu mỡ

- Vị trí: Tại khu vực nhà bếp, dung tích 2m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách dầu mỡ 02 ngăn → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

* Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp

- Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp với tổng công suất 12.000m³/ngày, chia thành 2 trạm xử lý theo phân kỳ đầu tư 6.000m³/ngày đêm/ trạm; mỗi trạm chia thành 2 line, mỗi line với công suất 3.000m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể tách dầu, tách cát → Bể điều hòa → Cúm bể hóa lý → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận nước thải (suối Cô Sơn, sông Túy Loan).

- Hóa chất sử dụng: NaOH 99%, H₂SO₄ 98%, mật rỉ đường, PAC keo tụ 30%, Polymer Anion, Polymer Cation, NaClO 10% (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc của trạm xử lý nước thải tập trung, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Lắp đặt.

- Camera giám sát: Lắp đặt.

- Kết nối, truyền số liệu: Số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục truyền trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các công trình xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải sau xử lý; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung để có biện pháp ứng phó sự cố.

- Xây dựng quy trình và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp.

- Niêm yết, công khai quy trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc tại trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và thoát nước thải. Đồng thời, trang bị các thiết bị dự phòng cho trạm xử lý nước thải tập trung.

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành về môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhận. Xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm về ứng phó sự cố môi trường cho người lao động.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Lấy mẫu định kỳ hoặc đột xuất nước thải đầu ra của mỗi cơ sở thứ cấp tại vị trí đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp. Trường hợp nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp vượt tiêu chuẩn đầu nối, tiến hành khóa van đầu nối nước thải và khắc phục, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan chức năng.

- Bố trí phòng thí nghiệm (có khả năng phân tích các thông số ô nhiễm cơ bản trong nước thải như: pH, TSS, DO, COD, BOD₅, tổng Phốt pho, tổng Nito) để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải.

1.4.2. Quy trình ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung

- Cấp độ 1 (Ứng phó sự cố xảy ra ở 1 Module hoặc các công đoạn khác thuộc hệ thống xử lý nước thải): Khi xảy ra sự cố hoặc bảo dưỡng ở 1 Module Xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải, nước thải từ bể điều hòa sẽ dẫn vào module còn lại không bị sự cố; công đoạn không bị sự cố vẫn hoạt động bình thường. Khu công nghiệp giảm công suất sản xuất để lượng nước thải phát sinh phù hợp với công suất thiết kế của Module không gặp sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được xử lý theo quy trình bình thường.

- Cấp độ 2 (sự cố xảy ra ở tất cả các Module của hệ thống xử lý nước thải): Khi xảy ra sự cố ở tất cả các Module của hệ thống xử lý nước thải, nước thải của từng module sẽ được dẫn ra hồ sự cố có thể tích 2.000 m³ để lưu chứa tạm thời. Lần lượt các module sẽ được bơm nước thải về hồ sự cố để tiến hành khắc phục, xử lý sự cố tại từng module. Module nào sửa xong sẽ tiến hành xử lý nước thải bình thường.

- Cấp độ 3 (Khi trạm quan trắc tự động, liên tục báo vượt QCVN): Khi thiết bị quan trắc tự động, liên tục báo vượt QCVN, ngay lập tức sẽ chặn cửa xả nước thải ra ngoài môi trường và bơm nước vào hồ sự cố.

- Trong trường hợp này xảy ra 03 trường hợp:

(1) Như cấp độ 1;

(2) Như cấp độ 2;

(3) Trạm quan trắc tự động liên tục có thể gặp sự cố (Thuê đơn vị có chức năng phân tích nhanh thông số ô nhiễm để xác định nguyên nhân chính khiến thông số vượt quy chuẩn). Khi cần thiết sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất phát sinh nước thải của Khu công nghiệp. Nhà máy sẽ hoạt động trở lại khi các sự cố khắc phục được hoàn toàn. Trong trường hợp không kịp thời xử lý sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải, Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ dừng hoạt động của Khu công nghiệp để khắc phục sự cố hoàn toàn trước khi hoạt động trở lại.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	≤ 50
2	pH	-	5-10
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 300
4	COD	mg/L	≤ 400
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N), tính theo N	mg/L	≤ 40
6	BOD ₅ (20°C)	mg/L	≤ 300
7	Tổng nitơ (T-N)	mg/L	≤ 60
8	Tổng photpho (T-P), tính theo P	mg/L	≤ 6
9	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05
10	Độ màu	Pt/Co	≤ 100
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,001
12	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,1
13	Cadimi (Cd)	mg/L	≤ 0,02
14	Crom (VI) (Cr ⁶⁺)	mg/L	≤ 0,1
15	Bari (Ba)	mg/L	≤ 1,0
16	Tổng crom (Cr)	mg/L	≤ 0,5
17	Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1,0
18	Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 1,0
19	Niken (Ni)	mg/L	≤ 0,1
20	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2,0
21	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2,0

22	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	$\leq 0,2$
23	Tổng phenol	mg/L	$\leq 1,0$
24	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/L	$\leq 0,1$
25	Dầu mỡ khoáng	mg/L	$\leq 1,0$
26	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	$\leq 5,0$
27	Sulfua (S^{2-})	mg/L	$\leq 0,2$
28	Florua (F^-)	mg/L	$\leq 3,0$
29	Clo dư	mg/L	$\leq 1,0$
30	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/L	≤ 500
31	Coliform	MPN/100 mL	≤ 10.000
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	$\leq 0,05$
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/L	$\leq 0,3$
34	Tổng PCB (Polychlorinated biphenyls)	mg/L	$\leq 0,003$
35	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	$\leq 3,0$
36	Dioxin/Furan*	pg TEQ/L	≤ 10
37	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)*	mg/L	$\leq 7,5$

Ghi chú: (*) Thông số Dioxin và Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) chỉ áp dụng đối với các dự án đầu tư, cơ sở đầu tư thứ cấp có ngành nghề sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Ninh.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại bể gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý

của trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành điều chỉnh hiệu quả: Ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm; tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 05 lần, 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 07 ngày liên tiếp; tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 02 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đầu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, bảo đảm các yêu cầu về tiêu thoát nước mưa và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của Khu công nghiệp. Việc vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Kết nối, truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng theo quy định. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm ổn định, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Ninh cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu

công nghiệp Đà Nẵng trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong giấy phép môi trường.

3.7. Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp theo quy định của pháp luật, trong đó có tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải để xử lý theo đúng nội dung đã đề xuất trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường, đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn sự cố nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung.

3.8. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp trong Khu công nghiệp được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

3.9. Rà soát tiêu chuẩn đầu nối nước thải đối với các dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung được quy định tại Mục 1.5 Phần B Phụ lục này.

3.10. Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2532/GPMT-BQL ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ bể gom của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ bể điều hòa trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ bể tách dầu trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ bể tách cát trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ bể chứa bùn trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ bể nén bùn trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ nhà ép bùn trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, lưu lượng xả thải tối đa

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng ống thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại bể gom, bể điều hòa, bể tách dầu, bể tách cát, bể chứa bùn, bể nén bùn, nhà ép bùn của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

2.2. Vị trí xả khí thải: Khu công nghiệp Hòa Ninh, xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng (theo hệ VN2000 kinh tuyến $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°) $X = 1775862$, $Y = 532116$.

2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa: $5.000\text{m}^3/\text{giờ}$

2.4. Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải chiều cao 15m (so với mặt đất), đường kính ống thải 350 mm, xả liên tục 24/24 giờ.

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Giá trị giới hạn cho phép (mg/Nm^3)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H_2S	8	Không thuộc	Không thuộc đối

2	NH ₃	25	đối tượng	tượng
3	Metyl mercaptan – CH ₃ SH	15		
4	VOC	150		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh tại bể gom, bể điều hòa, bể tách dầu, bể tách cát, bể chứa bùn, bể nén bùn, nhà ép bùn của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp được thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ, có tách ẩm → Tháp hấp thụ than hoạt tính → Xả ra môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: NaOH, than hoạt tính (hoặc các hóa chất, vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và dự phòng thiết bị thay thế cho công trình xử lý khí thải; vận hành công trình xử lý khí thải theo đúng quy trình hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Niêm yết bản tóm tắt quy trình vận hành công trình xử lý khí thải tại khu vực xây dựng, lắp đặt công trình để cán bộ kỹ thuật thực hiện vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành điều chỉnh hiệu quả: Ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm; tần suất quan trắc khí thải ít nhất là 05 lần, 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra của công trình xử lý khí thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 07 ngày liên tiếp; tần suất quan trắc khí thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với ít nhất 07 mẫu đơn khí thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý khí thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

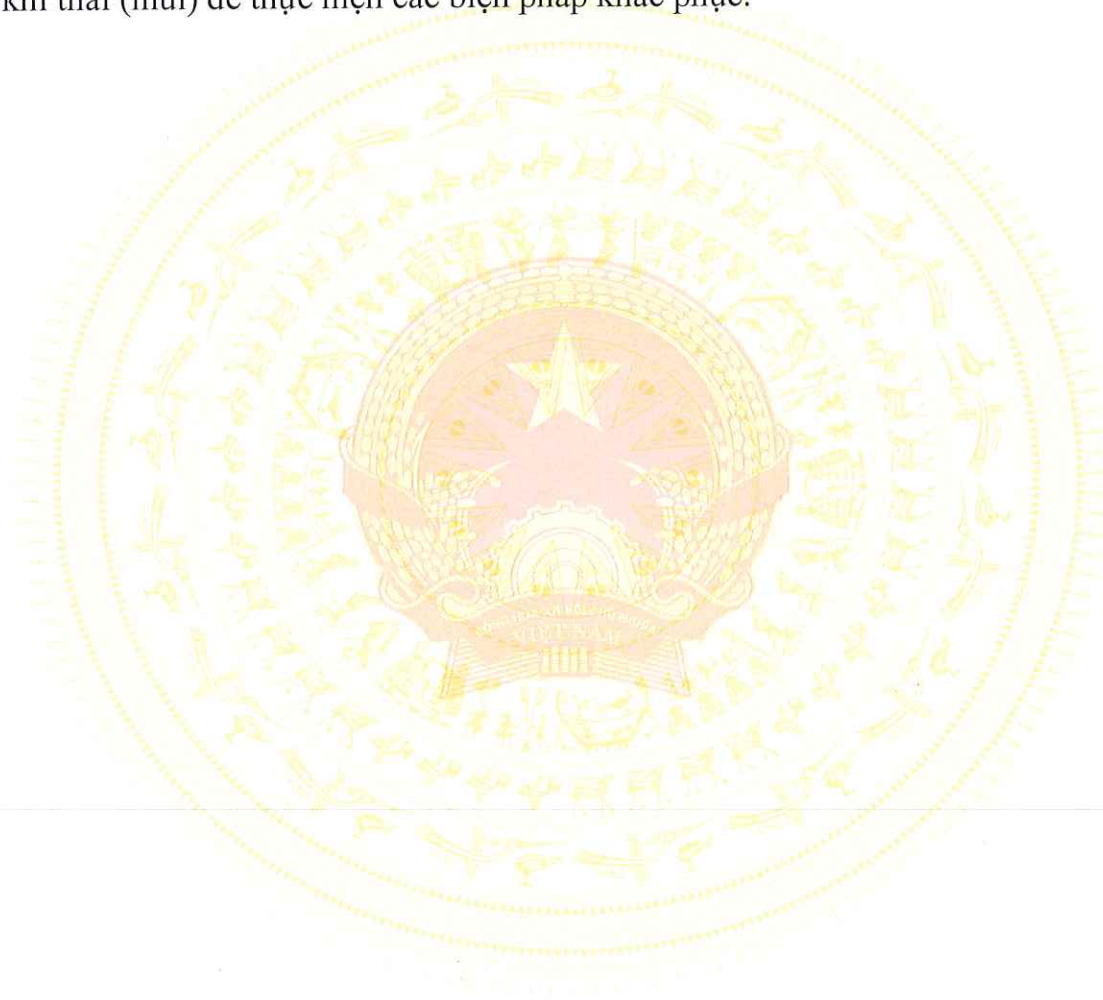
3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải (mùi) của Khu công nghiệp cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu, quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải 20 ngày.

3.6. Đảm bảo điểm lấy mẫu khí thải đáp ứng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

3.7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải (mùi) không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải (mùi) để thực hiện các biện pháp khắc phục.





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2532 /GPMT-BQL ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Khu vực đặt máy ép bùn.
- Nguồn số 2: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 3: Khu vực đặt máy bơm, máy nén khí.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường về tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn: Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung: Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thiết kế các bộ phận giảm âm và thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây ra độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này;

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi có dấu hiệu xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2532 /GPMT-BQL ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	35
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	40
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	30
4	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 04	150
	Tổng cộng		255

Thực hiện phân định, phân loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải thu hồi từ song chắn rác	3.650

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 40,6 kg/ngày**1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

TT	Tên chất thải	Mã số chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp	12 06 05	5.500

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại 20 m², tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Mái che tôn; Nền bê tông cốt thép đảm bảo không rạn nứt, không thấm thấu; Tường bao che bằng tôn; Bố trí mương rãnh và hố ga thu gom chất thải dạng nước rò rỉ và bố trí gờ chắn trước cửa 100mm để đảm bảo lưu chứa an toàn.

Tại cửa kho dán logo cảnh báo chất thải nguy hại; Bên ngoài và bên trong ngăn lưu giữ chất thải nguy hại được dán các biển cảnh báo chất thải nguy hại ở vị trí đúng với tầm nhìn của mọi người, hoặc cao hơn một chút và dấu hiệu biển gồm hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen với các biểu tượng màu đen và chữ màu đen tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho lưu chứa: 15m² tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp;

Tại trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp có bố trí phòng chứa bùn có diện tích khoảng 155m² gồm 2 tầng, tầng trên đặt máy ép bùn, tầng dưới chứa bùn.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền làm bằng bê tông cốt thép, chịu lực, không thấm nước; tường bao che bằng tôn; mái che tôn đảm bảo che kín mưa nắng.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thùng rác chuyên dụng có nắp đậy được bố trí tại các khu vực có phát sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2532 /GPMТ-BQL ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; Thực hiện lưu giữ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Ninh (Phú Mỹ 3 Đà Nẵng IP)” đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện và các tài liệu liên quan khác để cơ quan có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp phường/xã nơi thực hiện, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 06 năm 2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.



6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Phải bảo đảm thống nhất thỏa thuận với các dự án đầu tư, cơ sở đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng; bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

